TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2021
Vv "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1938/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1996/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Võ Thị D, sinh năm 1984; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu S vắng mặt. Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020, các lời khai có tại hồ sơ anh Nguyễn Hữu S trình bày:

Anh và chị Võ Thị D cùng làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh nên quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 02 năm 2004 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 17 tháng 5 năm 2005. Sau khi đăng ký kết hôn anh tiếp tục vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm công nhân, còn chị D ở nhà cha mẹ chị D. Đến năm 2013 thì chị D vào thành phố Hồ Chí Minh chung sống với anh,

nhưng được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn vì vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên kình cãi rồi chị D bỏ về nhà cha mẹ chị D ở từ cuối năm 2013 đến nay. Từ đó đến nay anh và chị D không gặp nhau lần nào. Từ khi anh và chị D kết hôn đến nay thì anh cũng không về ở nhà cha mẹ chị D ngày nào. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị D.

Anh và chị Võ Thị D có một con chung: Nguyễn Thị S, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2004, con hiện đang ở với chị D. Vì con đang ở với chị D và đang học lớp 11 ở huyện T nên anh giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Còn việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh đều gửi tiền về cho con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị Võ Thị D không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không vay mượn tài sản của ai và không có ai vay mượn tài sản của vợ chồng anh.

* Bị đơn chị Võ Thị D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Hữu S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là chị Võ Thị D cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

- Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng bị đơn chị Võ Thị D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng chị Võ Thị D không đến Tòa làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Anh S và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh S và chị D là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng

anh S chị D sau khi tổ chức lễ cưới thì anh S tiếp tục vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân và sinh sống ở đây, còn chị D vẫn ở tại nhà cha mẹ chị tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Đến năm 2013 thì chị D vào thành phố Hồ Chí Minh chung sống với anh S nhưng được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên chị D bỏ về nhà cha mẹ chị D ở từ cuối năm 2013 đến nay. Từ cuối năm 2013 đến nay giữa anh S và chị D không gặp nhau lần nào. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh S và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tuy đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị D không có ý kiến gì về việc anh S yêu cầu ly hôn. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh S được ly hôn chị D.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Hữu S và chị Võ Thị D có 01 con chung tên Nguyễn Thị S, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2004, con hiện đang ở với chị D. Vì cháu Trà đang ở với chị D và đang học ở huyện T nên anh S giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của cháu Trà muốn ở với mẹ nên giao cháu Trà cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Còn việc cấp dưỡng nuôi con thì theo cháu Trà trình bày hàng tháng anh S đều gửi tiền về cho cháu để lo chi phí ăn học, còn chị D không đến Tòa trình bày yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Hữu S không yêu cầu giải quyết về tài sản và vợ chồng anh chị không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hữu S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sung vào công quĩ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Anh Nguyễn Hữu S được ly hôn chị Võ Thị D.

2. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2004, con hiện đang ở với chị Võ Thị D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tiền án phí: Anh Nguyễn Hữu S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000888 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Mậu Phạm Thị Tuyết Mai ***Võ Duy Minh***